

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG 29 /QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 01 năm 2019

ĐIỂN SỐ: 384
Ngày: 09/01/2019
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao biên chế công chức, phân bổ số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, tỉnh Sóc Trăng năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 về quản lý biên chế công chức và Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-BNV ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa IX, kỳ họp thứ 12 về việc phê duyệt chỉ tiêu số người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17

tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội có tính chất đặc thù năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa IX, kỳ họp thứ 12 về việc giao biên chế công chức và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Sóc Trăng năm 2019;

Căn cứ Quyết định 47/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền tổ chức, quản lý biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức, phân bổ số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, thuộc sở, ban ngành, tỉnh Sóc Trăng năm 2019, theo các phụ lục kèm theo Quyết định này.

(Kèm theo 02 phụ lục)

Điều 2.

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Căn cứ chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được giao, thực hiện việc giao chỉ tiêu cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo thẩm quyền được phân cấp (đồng thời gửi Sở Nội vụ để theo dõi).

b) Triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế. Chỉ được phép sử dụng, tuyển dụng không quá 50% biên chế trong các trường hợp đã giải quyết tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ và 50% biên chế giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật.

c) Xây dựng phương án sắp xếp, bố trí, điều chuyển, thực hiện tinh giản biên chế đối với các cơ quan, đơn vị dôi dư công chức, viên chức so với số biên chế được giao. Thực hiện nghiêm việc ký kết hợp đồng lao động theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 30/VPCP-TCVC ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ quan, bộ ngành, địa phương.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ đối với các sở, ban ngành và địa phương.

b) Thực hiện chế độ báo cáo thống kê về tình hình thực hiện biên chế theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân có liên quan trong việc tuyển dụng, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc vượt chỉ tiêu được giao và không đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Ban Quản lý các khu công nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: TH, VX, QT, HC.



Trần Văn Chuyện



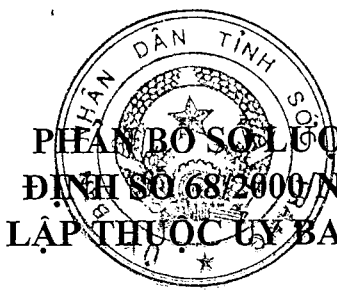
PHỤ LỤC 01

GIÁO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ CHO CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN THUỘC TỈNH SÓC TRĂNG, NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Giao biên chế công chức hành chính năm 2019	
		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
1	2	3	4
I	CẤP TỈNH	957	182
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	27	7
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	70	14
3	Sở Nội vụ	50	9
4	Sở Xây dựng	37	5
5	Sở Tư pháp	34	5
6	Sở Công Thương	36	5
7	Sở Tài chính	44	5
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	50	7
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	37	5
10	Sở Thông tin và Truyền thông	29	5
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	42	5
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	48	8
13	Sở Y tế	57	11
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	64	11
15	Sở Giao thông vận tải	54	12
16	Sở Khoa học và Công nghệ	37	9
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	170	40
18	Thanh tra	32	5
19	Ban Dân tộc	22	4
20	Ban Quản lý các khu công nghiệp	17	10

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Giao biên chế công chức hành chính năm 2019	
		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
1	2	3	4
II	CẤP HUYỆN	981	128
1	Thành phố Sóc Trăng	100	11
2	Thị xã Vĩnh Châu	93	12
3	Thị xã Ngã Năm	88	12
4	Huyện Long Phú	87	12
5	Huyện Mỹ Tú	87	12
6	Huyện Thạnh Trị	88	12
7	Huyện Kế Sách	90	12
8	Huyện Mỹ Xuyên	87	12
9	Huyện Cù Lao Dung	87	12
10	Huyện Châu Thành	87	10
11	Huyện Trần Đề	87	11
Tổng cộng		1.938	310



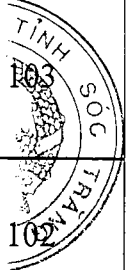
PHỤ LỤC 02

PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, THUỘC SỞ, BAN NGÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG, NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số lượng người làm việc dự kiến phân bổ năm 2019	Số lượng người làm việc thuộc:				Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP phân bổ năm 2019
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hóa thông tin - thể thao và du lịch	Sự nghiệp khác	
1	2	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10
I	Cấp tỉnh	6.902	2.971	3.246	154	531	460
1	Sở Nội vụ	9				9	
2	Sở Tư pháp	19				19	1
3	Sở Công Thương	23				23	2
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.726	2.726				136
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10				10	
6	Sở Thông tin và Truyền thông	18				18	3
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	178	24		154		32
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	53				53	55
9	Sở Y tế	3.246		3.246			178
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	129				129	4

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số lượng người làm việc dự kiến phân bỏ năm 2019	Số lượng người làm việc thuộc:				Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP phân bổ năm 2019
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hóa thông tin - thể thao và du lịch	Sự nghiệp khác	
1	2	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	270				270	14
12	Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	101	101				10
13	Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	84	84				10
14	Trường Bổ túc Văn hóa Pali Trung cấp Nam Bộ	30	30				15
15	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân tỉnh Sóc Trăng	6	6				
II	Cấp huyện	15.047	14.789	0	221	37	1.105
1	Thành phố Sóc Trăng	1.218	1.164		37	17	86
2	Thị xã Vĩnh Châu	1.704	1.684		18	2	118
3	Huyện Châu Thành	1.234	1.214		18	2	106
4	Huyện Long Phú	1.283	1.263		18	2	90

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số lượng người làm việc dự kiến phân bố năm 2019	Số lượng người làm việc thuộc:				Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP phân bố năm 2019
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hóa thông tin - thể thao và du lịch	Sự nghiệp khác	
1	2	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10
5	Huyện Kế Sách	1.947	1.927		18	2	136
6	Huyện Mỹ Tú	1.372	1.352		18	2	108
7	Huyện Mỹ Xuyên	1.756	1.736		18	2	
8	Huyện Thạnh Trị	1.138	1.118		18	2	
9	Huyện Trần Đề	1.467	1.447		18	2	85
10	Huyện Cù Lao Dung	894	869		23	2	95
11	Thị xã Ngã Năm	1.034	1.015		17	2	76
	Tổng cộng (I+II):	21.949	17.760	3.246	375	568	1.565